

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN GENTRACO

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2010	13 - 32
8. Phụ lục	33 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco (gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000379 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14 tháng 05 năm 2008 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh và các Chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22 tháng 04 năm 2009 về việc thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ 5703000379 thành 1800688429.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 09 năm 2009 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31 tháng 12 năm 2009 về việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh và tăng Vốn điều lệ từ 44.000.000.000 VND lên 80.800.000.000 VND.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 08 năm 2010 về việc bổ sung cổ đông sáng lập.
- Đăng ký thay đổi lần 6 ngày 16 tháng 09 năm 2010 về việc bổ sung thêm Chi nhánh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Gentraco	41.560.000.000	51,44
Các cổ đông khác	39.240.000.000	48,56
Cộng	80.800.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Điện thoại : 0710 3611366
Fax : 0710 3611556
Mã số thuế : 1800688429

Đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco - Chi nhánh An Giang	Ấp 2, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco tại Đăk Nông	Thôn 2, xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco tại Bình Dương	Lô B2 - B3, đường N5, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty là:

Thu mua, xay xát, chế biến, kinh doanh hàng nông sản, lương thực, thực phẩm các loại. Kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, nguyên liệu thức ăn gia súc, thủy hải sản. Sản xuất và kinh doanh gạo và các chế phẩm từ gạo. Kinh doanh, chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại. Kinh doanh, đại lý thức ăn gia súc và các sản phẩm phục vụ chăn nuôi. Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và kinh doanh cá giống. Xuất nhập khẩu các sản phẩm thủy hải sản nguyên liệu và thương phẩm. Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm gỗ. Kinh doanh, nhập khẩu gỗ. Kinh doanh, nhập khẩu hạt nhựa và các chế phẩm từ dầu mỏ. Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng. Kinh doanh thuốc thú y thủy sản. Tư vấn xét nghiệm, kinh doanh chất phụ gia phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi. Dịch vụ vận chuyển giao nhận hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng. Cho thuê kho bãi.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 34).

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2010.NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 6 năm 2010, trong năm Công ty tiến hành chia cổ tức như sau:

- Chia cổ tức năm 2009: 5.640.607.094 VND
- Tạm ứng cổ tức năm 2010: 418.875.344 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch	Ngày 22 tháng 12 năm 2007
Huỳnh Thị Ngọc Giàu	Phó Chủ tịch	Ngày 22 tháng 12 năm 2007
Trần Thanh Vân	Thành viên	Ngày 22 tháng 12 năm 2007
Lê Quang Tâm	Thành viên	Ngày 22 tháng 12 năm 2007
Diệp Hoàng Sơn	Thành viên	Ngày 22 tháng 12 năm 2007
Nguyễn Văn Lê	Thành viên	Ngày 27 tháng 03 năm 2010
Đổng Xuân Nghiêm	Thành viên	Ngày 27 tháng 03 năm 2010

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Trần Hữu Đức	Trưởng ban	Ngày 22 tháng 12 năm 2007
Võ Xuân Hồng	Thành viên	Ngày 22 tháng 12 năm 2007
Trần Võ Tố Loan	Thành viên	Ngày 22 tháng 12 năm 2007

Ban điều hành, Ban quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Lê Quang Tâm	Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2008
Diệp Hoàng Sơn	Phó Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2008
Lưu Thị Lan	Phó Giám đốc	Ngày 05 tháng 02 năm 2010

3/2011
CHÍNH
CÔNG
KIỂM T
TƯ
DỊCH
KHAT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Vũ Thị Dung	Phó Giám đốc	Ngày 02 tháng 04 năm 2010
Phan Văn Thiện	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 04 năm 2008

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010; A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Quang Tâm
Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2011

Đã đọc
Ấn
Trần Văn
Ấn
Vinh
TĐ



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 014CT/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Thủy Sản Gentraco gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 02 năm 2011, từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập sau khi đã điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
Chi nhánh Cần Thơ**



Nguyễn Minh Trí - Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0089/KTV

Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1242/KTV

TP. Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		533.390.351.446	305.112.777.968
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.723.539.798	12.461.256.384
1. Tiền	111		6.723.539.798	12.461.256.384
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		90.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	93.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3.000.000.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200.012.213.989	152.834.880.038
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	57.455.730.221	90.662.928.619
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	133.252.180.751	58.940.541.250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	12.079.526.474	4.252.796.123
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(2.775.223.457)	(1.021.385.954)
IV. Hàng tồn kho	140		229.928.119.698	134.287.828.447
1. Hàng tồn kho	141	V.8	229.928.119.698	134.287.828.447
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.726.477.961	5.528.813.099
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	51.433.855	95.235.210
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.168.831.025	2.179.464.341
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	1.803.483.708	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	2.702.729.373	3.254.113.548

CÔNG TY CỔ PHẦN THUYỀN SÀN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		144.145.543.569	99.393.002.217
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		114.389.680.192	68.891.784.282
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	27.800.253.738	19.451.447.555
Nguyên giá	222		34.136.027.314	22.603.171.199
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.335.773.576)	(3.151.723.644)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	85.908.073.702	48.891.731.662
Nguyên giá	228		86.847.611.531	48.891.731.662
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(933.537.829)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	681.352.752	548.605.063
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		28.800.000.000	29.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	28.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	28.800.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	1.800.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		955.863.377	701.217.935
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	947.139.094	701.217.935
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.17	8.724.283	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		677.535.895.015	404.505.780.185

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		588.026.039.246	316.340.240.143
I. Nợ ngắn hạn	310		587.282.289.246	314.298.059.083
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	344.196.603.755	107.409.070.789
2. Phải trả người bán	312	V.19	140.885.240.795	195.164.722.734
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	101.761.525.191	8.592.923.148
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	57.210.569	2.612.745.517
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.22	218.388.819	37.831.392
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	163.320.117	403.921.797
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	-	76.843.706
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		743.750.000	2.042.181.060
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	743.750.000	1.888.750.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.26	-	107.198.629
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	46.232.431
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89.509.855.769	88.165.540.042
I. Vốn chủ sở hữu	410		89.509.855.769	88.165.540.042
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	80.800.000.000	80.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.27	-	(869.956.531)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	106.540.779	106.540.779
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	8.603.314.990	8.128.955.794
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		677.535.895.015	404.505.780.185

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		59.352,93	7.255,58
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự ứng		-	-

Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Ly Anh Thu
Người lập biểuPhan Văn Thiện
Kế toán trưởngLê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	1.078.537.729.363	952.185.917.072
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	1.078.537.729.363	952.185.917.072
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	1.033.556.062.788	921.861.221.698
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.981.666.575	30.324.695.374
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	67.769.132.195	8.648.628.288
7. Chi phí tài chính	22	VL4	89.069.533.154	26.258.903.494
Trong đó: chi phí lãi vay	23		63.358.242.929	23.231.349.975
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	8.624.921.241	10.266.054.461
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	8.837.626.762	4.897.728.900
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.218.717.613	(2.449.363.193)
11. Thu nhập khác	31	VL7	1.408.538.223	21.908.093.456
12. Chi phí khác	32	VL8	690.783.499	8.628.745.120
13. Lợi nhuận khác	40		717.754.724	13.279.348.336
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.936.472.337	10.829.985.143
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	937.428.959	2.600.297.657
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL9	(115.922.912)	107.198.629
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.114.966.290	8.122.488.857
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	757	1.775

Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2011


Lý Anh Thư
Người lập biểu


Phan Văn Thiện
Kế toán trưởng


Lê Quang Tâm
Giám đốc



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.936.472.337	10.829.985.143
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	4.191.865.257	2.092.270.263
- Các khoản dự phòng	03		4.753.837.503	1.021.385.954
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	166.089.373	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(51.509.294.204)	(15.163.516.719)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	63.358.242.929	23.231.349.975
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.897.213.195	22.011.474.616
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(41.520.376.434)	(14.295.437.148)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(95.640.291.251)	14.490.969.843
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		53.928.944.248	(5.531.009.907)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(202.119.804)	(240.123.702)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(63.177.685.502)	(23.193.518.583)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(5.340.857.806)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		11.060.107.495	19.010.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(12.538.596.551)	(544.338.882)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(125.533.662.410)	(7.282.973.763)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(65.467.984.262)	(36.836.628.337)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	617.713.224	5.220.833.430
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(250.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	194.600.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.15	(7.400.000.000)	(13.800.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.15	10.080.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.063.663.045	4.770.720.839
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(110.506.607.993)	(40.645.074.068)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	33.854.890.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	1.425.813.242.676	388.415.477.655
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(1.189.869.597.139)	(363.203.080.832)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	(6.059.482.438)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		229.884.163.099	59.067.286.823
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.156.107.304)	11.139.238.992
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.461.256.384	1.764.315.286
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		418.390.718	(442.297.894)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.723.539.798	12.461.256.384

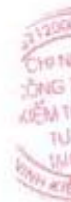
Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2011


Lý Anh Thư
 Người lập biểu


Phan Văn Thiện
 Kế toán trưởng




Lê Quang Tâm
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thu mua, xay xát, chế biến, kinh doanh hàng nông sản, lương thực, thực phẩm các loại. Kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, nguyên liệu thực ăn gia súc, thủy hải sản. Sản xuất và kinh doanh gạo và các chế phẩm từ gạo. Kinh doanh, chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại. Kinh doanh, đại lý thức ăn gia súc và các sản phẩm phục vụ chăn nuôi. Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và kinh doanh cá giống. Xuất nhập khẩu các sản phẩm thủy hải sản nguyên liệu và thương phẩm. Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm gỗ. Kinh doanh, nhập khẩu gỗ. Kinh doanh, nhập khẩu hạt nhựa và các chế phẩm từ dầu mỏ. Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng. Kinh doanh thuốc thú y thủy sản. Tư vấn xét nghiệm, kinh doanh chất phụ gia phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi. Dịch vụ vận chuyển giao nhận hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng. Cho thuê kho bãi.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 97 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 94 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung; ghi chép trên phần mềm máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỸ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	5 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Công ty trích khấu hao Quyền sử dụng đất có thời hạn với thời gian ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

Khi bán chứng khoán, giá vốn của chứng khoán bán ra được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo vốn điều lệ mà các cổ đông đã đầu tư.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009: 17.941 VND
31/12/2010: 18.932 VND

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	116.426.859	270.309.432
Tiền gửi ngân hàng	6.607.112.939	12.190.946.952
Cộng	6.723.539.798	12.461.256.384

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Trái phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	600.000	93.000.000.000	-	-
Cộng	600.000	93.000.000.000	-	-

Số lượng trái phiếu này đang được đăng ký lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông - Chi nhánh Cần Thơ. Trái phiếu chuyển đổi này sẽ đáo hạn vào ngày 10/4/2011.

Trong năm, Công ty đã đầu tư và chuyển nhượng trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội như sau:

- Mua vào 2.000.000 trái phiếu với giá mua là 125.000 VND/trái phiếu.
- Bán ra 880.000 trái phiếu với giá bán là 155.000 VND/trái phiếu.
- Mua vào 880.000 trái phiếu với giá mua là 155.000 VND/trái phiếu.
- Bán ra 1.400.000 trái phiếu với giá bán là 139.000 VND/trái phiếu.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(3.000.000.000)	-
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	(3.000.000.000)	-

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Nhu Huỳnh	-	2.020.000.000
Công ty TNHH Hải Long	11.192.900.565	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia	8.241.533.100	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	6.121.572.000	-
Công ty Cổ phần Việt Anh	5.871.267.095	15.027.492.695
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản An Giang	4.047.076.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản Cổ Chiên	2.375.701.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Cargill Việt Nam tại Cần Thơ	1.479.789.969	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ Phần Gò Đăng	1.105.256.880	-
Công ty TNHH Một thành viên Gạo Việt	1.320.000	925.500.000
Công ty TNHH Guyomarc'h Việt Nam	1.039.937.000	3.324.821.500
Doanh Nghiệp Tư Nhân Liên Hiệp	1.025.000.000	-
Các khách hàng khác	14.954.376.612	69.365.114.424
Cộng	57.455.730.221	90.662.928.619

5. Trả trước cho người bán	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán trong nước	133.242.714.751	58.188.813.350
- Công ty Cổ phần Gentraco	86.616.900.000	-
- Trần Văn Sang	27.088.013.003	25.975.238.003
- Công ty Cổ phần Thức ăn Dinh dưỡng Nutifarm	10.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Pallet Vina	914.018.028	-
- Công ty TNHH Đầu tư & Chế biến Lương thực Thiên Ngọc	832.000.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng - Cơ khí Thiện Thuật	375.000.000	-
- Công ty Cổ phần Việt Anh	339.197.250	-
- Công ty TNHH Thủy sản Panga Mekong	310.000.000	810.000.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	159.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	6.608.586.470	31.403.575.347
Người bán nước ngoài	9.466.000	751.727.900
- Jai International Pvt,Ltd.	9.466.000	-
- Concordia Agritrading PTE, LTD	-	751.727.900
Cộng	133.252.180.751	58.940.541.250

6. Các khoản phải thu khác	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay hộ cho cán bộ quản lý để mua cổ phần của Công ty	802.844.317	766.729.601
Cổ tức được chia của Công ty Cổ phần Lương thực Nam Việt	460.000.000	-
Cổ tức được chia của Công ty Cổ phần Việt Anh	2.352.000.000	2.400.000.000
Vay hộ cho nhân viên để mua cổ phần của Công ty	1.049.037.302	265.567.693
Ứng trước cổ tức năm 2010	418.875.344	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	4.628.666.666	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - CN An Giang	14.128.725	-
Phải thu tiền bồi thường hao hụt đã xử lý	1.910.238.325	-
Chi khen thưởng, phúc lợi chưa có nguồn bù đắp	42.656.070	-
Các khoản phải thu khác	401.079.725	820.498.829
Cộng	12.079.526.474	4.252.796.123

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(2.775.223.457)	(1.021.385.954)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	(503.325.068)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(2.450.703.298)	(518.060.886)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(324.520.160)	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	(2.775.223.457)	(1.021.385.954)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	49.027.781.402	18.164.172.270
Nguyên liệu, vật liệu	3.005.164.978	2.527.543.809
Công cụ, dụng cụ	-	402.670.479
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	100.167.847.649	78.294.362.722
Thành phẩm	7.853.470.581	3.404.783.394
Hàng hóa	69.873.855.088	31.494.295.773
Cộng	229.928.119.698	134.287.828.447

Một số nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng. Xem thuyết minh V.18.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ dụng cụ	95.235.210	111.822.182	(160.403.537)	46.653.855
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	4.780.000	-	4.780.000
Cộng	95.235.210	116.602.182	(160.403.537)	51.433.855

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	982.164.223	834.338.796
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.720.565.150	373.701.701
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	2.046.073.051
Cộng	2.702.729.373	3.254.113.548

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	48.891.731.662	-	48.891.731.662
Tăng trong năm	53.215.354.233	20.000.000	53.235.354.233
Mua trong năm	52.616.366.024	10.000.000	52.626.366.024
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	598.988.209	10.000.000	608.988.209
Giảm trong năm	(15.285.474.364)	-	(15.285.474.364)
Trả lại tài sản góp vốn cho Công ty Cổ phần Gentraco	(13.285.474.364)	-	(15.285.474.364)
Số cuối năm	86.821.611.531	20.000.000	86.841.611.531
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	930.871.164	2.666.665	933.537.829
Khấu hao trong năm	930.871.164	2.666.665	933.537.829
Số cuối năm	930.871.164	2.666.665	933.537.829
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	48.891.731.662	-	48.891.731.662
Số cuối năm	85.890.740.367	17.333.335	85.908.073.702

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	316.954.273	877.029.052	(842.357.825)	(37.583.000)	314.042.500
XDCB dở dang	198.439.483	284.981.474	(144.560.109)	-	338.860.848
Sửa chữa lớn TSCĐ	33.211.309	94.993.000	(99.754.905)	-	28.449.404
Cộng	548.605.065	1.257.003.526	(1.086.672.839)	(37.583.000)	681.352.752

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Việt Ánh ^(a)	1.960.000	19.600.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Việt ^(b)	920.000	9.200.000.000	-	-
Cộng	2.880.000	28.800.000.000	-	-

^(a) Trong năm, Công ty đã bán 840.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt Ánh với giá bán là 12.000 VND/cổ phiếu cho Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.960.000 cổ phiếu, tương đương 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Việt Ánh (số đầu năm là 2.800.000 cổ phiếu, tương đương 70% vốn điều lệ được trình bày ở chỉ tiêu Đầu tư vào công ty con).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Trong năm, Công ty đã mua thêm 740.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Lương thực Nam Việt với giá mua là 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 920.000 cổ phiếu, tương đương 32,80% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Lương thực Nam Việt (số đầu năm là 180.000 cổ phiếu, tương đương 9,14% vốn điều lệ được trình bày ở chỉ tiêu Đầu tư dài hạn khác).

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	271.557.628	908.094.153	(446.576.420)	733.075.361
Thuế văn phòng	135.000.000	-	(135.000.000)	-
Thuế ao	80.000.000	-	(80.000.000)	-
Chi phí thuê đất An Phú	172.309.333	-	(12.608.000)	159.701.333
Chi phí sửa chữa văn phòng	42.350.974	-	(42.350.974)	-
Đồng phục CB NV năm 2011	-	54.362.400	-	54.362.400
Cộng	701.217.935	962.456.553	(716.535.394)	947.139.094

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Số phát sinh trong năm	8.724.283
Số hoãn nhập trong năm	-
Số cuối năm	8.724.283

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	343.051.603.755	104.984.070.789
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ ^(a)	80.351.252.318	55.834.698.651
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ ^(b)	262.700.351.437	37.412.611.038
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Thốt Nốt	-	4.936.761.100
- Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Cần Thơ	-	6.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)	1.145.000.000	2.425.000.000
Cộng	344.196.603.755	107.409.070.789

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa và các khoản phải thu trị giá 100 tỷ đồng.

- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa trị giá 300 tỷ đồng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	104.984.070.789	2.425.000.000	107.409.070.789
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.425.813.242.676	-	1.425.813.242.676
Số kết chuyển từ vay dài hạn		1.145.000.000	1.145.000.000
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá đầu năm ~ cuối năm	(301.112.571)	-	(301.112.571)
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.187.444.597.139)	(2.425.000.000)	(1.189.869.597.139)
Số cuối năm	343.051.603.755	1.145.000.000	344.196.603.755

19. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Gentraco	73.771.611.252	154.642.692.429
Công ty Cổ phần Việt Anh	19.863.716.811	9.324.061.458
Công ty Cổ phần Thức ăn Dinh dưỡng Nutifarm	14.127.435.000	-
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu An Phú	11.192.900.565	-
Võ Văn Dận	8.408.004.860	-
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - Satra	5.275.690.350	-
Công ty TNHH Một thành viên Gạo Việt	2.879.184.277	1.424.035.203
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Tam Hoa Long	1.161.690.352	-
Các nhà cung cấp khác	4.205.007.328	29.773.933.644
Cộng	140.885.240.795	195.164.722.734

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Gạo Việt	86.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Việt	11.599.670.000	-
Công ty Cổ phần Tấn Sao Mai	594.500.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thủy Sản Tomboy	431.586.500	-
Nguyễn Thị Huệ	310.500.000	204.000.000
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Kỳ VT	135.548.998	135.548.985
Công ty TNHH Phước Thịnh	118.248.000	-
Các khách hàng khác	2.171.471.693	8.253.374.163
Cộng	101.761.525.191	8.592.923.148

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.120.287.389	(6.120.287.389)	-
Thuế nhập khẩu	-	246.175.104	(246.175.104)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.599.945.139	937.428.959	(5.340.857.806)	(1.803.483.708)
Thuế thu nhập cá nhân	12.800.378	57.036.509	(12.626.318)	57.210.569
Thuế nhà đất	-	4.160.100	(4.160.100)	-
Các loại thuế khác	-	95.104.000	(95.104.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	4.412.800	(4.412.800)	-
Cộng	2.612.745.517	7.464.604.861	(11.823.623.517)	(1.746.273.139)

Báo thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- | | |
|-------------------------------------|-----|
| - Bãi đậu nành, gạo và các phụ phẩm | 5% |
| - Thuốc thú y và các dịch vụ | 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi đầu tư theo hướng dẫn tại Công văn số 1001/CT-JTHT ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Cục Thuế Thành phố Cần Thơ, cụ thể:

- a) Đối với lĩnh vực đầu tư tại địa bàn tỉnh Đăk Nông và huyện An Phú tỉnh An Giang được hưởng các ưu đãi như sau:
- o Thuế suất thuế TNDN 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động.
 - o Miễn thuế TNDN 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- b) Đối với các lĩnh vực đầu tư tại địa bàn Quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ:
- Đối với các lĩnh vực đầu tư: xay xát, chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; sản xuất gạo và các chế phẩm từ gạo; chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; sản xuất cá giống được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN, gồm:
- o Thuế suất thuế TNDN 20% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi công ty bắt đầu hoạt động
 - o Được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo
- Đối với lĩnh vực đầu tư: nuôi trồng thủy sản được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.936.472.337	10.829.985.143
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	465.243.498	3.226.300
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.652.000.000)	(432.020.814)
Tổng thu nhập chịu thuế	3.749.715.835	10.401.190.629
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	937.428.959	2.600.297.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	937.428.959	2.600.297.657

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Chi phí phải trả

Chi phí lãi vay phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền nhận trước hợp đồng góp vốn liên doanh	-	200.000.000
Thu hộ Kinh phí công đoàn	150.758.827	118.685.954
Kinh phí công đoàn	11.898.790	16.377.835
Phải trả, phải nộp khác	662.500	68.858.008
Cộng	163.320.117	403.921.797

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số trích lập từ lợi nhuận trong năm</u>	<u>Số chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	34.227.394	-	(119.499.776)	(85.272.382)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	42.616.312	-	-	42.616.312
Cộng	76.843.706	-	(119.499.776)	(42.656.070)

(*) Khoản chi âm quỹ khen thưởng, phúc lợi được trình bày ở chi tiêu các khoản phải thu khác (thuyết minh V.6).

25. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn đầu tư dự án nuôi cá tra giống và đầu tư vào kho nguyên liệu thức ăn thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất trị giá 12.150.000.000 VND.

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ như sau:

Số đầu năm	1.888.750.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(1.145.000.000)
Số cuối năm	743.750.000

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	1.145.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	743.750.000
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	1.888.750.000

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	107.198.629
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận từ các năm trước	(107.198.629)
Số cuối năm	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**27. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Mục đích trích lập quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Chia cổ tức

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2010.NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 6 năm 2010, Công ty tiến hành chia cổ tức năm 2009 và tạm ứng cổ tức năm 2010 theo tỷ lệ 2,9% cho các cổ đông:

Chia cổ tức năm trước	5.640.607.094
Tạm ứng cổ tức năm nay	418.875.344
Cộng	6.059.482.438

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.078.537.729.363	952.185.917.072
Bã đậu nành	389.811.941.757	586.790.654.436
Gạo các loại	239.465.676.000	89.400.945.000
Cá	210.679.233.187	151.692.713.298
Cám các loại	59.871.097.052	53.639.508.965
Cà phê	55.633.294.600	-
Bắp hạt	35.139.207.913	21.221.601.327
Lúa mì	26.000.824.477	-
Mì lát	22.630.582.326	11.398.553.248
Đường	15.892.604.762	6.823.809.523
Thuốc thủy sản	10.636.455.448	9.938.683.931
Bột bắp lên men	5.760.461.808	-
Tầm	5.070.211.818	7.186.379.664
Lúa	1.083.520.500	-
Bã đậu phộng	638.708.286	-
Bột mì	171.238.096	-
Than trâu	30.380.952	69.952.381
Bã cái ngọt	17.252.381	9.026.146.566
Thức ăn cá	5.038.000	3.523.718.893
Khác (bột thịt, bột cá, điều hạt)	-	1.473.249.840
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	1.078.537.729.363	952.185.917.072

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Bã đậu nành	376.824.298.410	569.767.947.037
Gạo các loại	233.446.451.510	84.989.516.925
Cá	194.398.124.419	148.192.493.587
Cám các loại	56.640.765.957	51.643.508.767
Cà phê	54.643.498.534	-
Bắp hạt	31.936.425.928	21.117.520.646
Lúa mì	25.313.284.618	-
Mì lát	21.958.121.478	9.832.654.974
Đường	15.334.731.428	6.656.190.476
Thuốc thủy sản	10.560.188.417	9.724.903.128
Bột bắp lên men	5.914.177.353	-
Tầm	4.594.480.504	6.859.249.437
Lúa	1.054.934.100	-
Bã đậu phộng	723.713.221	-
Bột mì	152.750.000	-
Than trâu	34.970.324	96.381.624
Bã cái ngọt	18.634.024	8.116.845.365
Thức ăn cá	5.038.000	3.426.860.979
Khác (bột thịt, bột cá, điều hạt)	1.474.563	1.437.148.753
Cộng	1.033.556.062.788	921.861.221.698

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn	42.080.000.000	-
Lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	11.442.907.843	38.212.129
Lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu	4.628.666.666	-
Lãi bán hàng trả chậm	3.589.663.045	4.322.387.505
Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán dài hạn	1.680.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.652.000.000	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá	302.249.846	348.340.290
Lãi tiền ứng trước cho các hợp đồng	234.000.000	196.333.334
Lãi tiền gửi ngân hàng	159.644.795	93.940.030
Thu nhập về hoạt động đầu tư khác	-	3.397.415.000
Thu lãi tiền vay cá nhân	-	252.000.000
Cộng	67.769.132.195	8.648.628.288

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng và các tổ chức khác	35.207.961.631	7.606.831.639
Lãi chậm trả cho Công ty Cổ phần Gentraco	28.150.281.298	15.624.518.336
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.039.902.852	3.027.553.519
Chi phí dự phòng	3.000.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	166.089.373	-
Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn	4.480.000.000	-
Chi phí giao dịch bán chứng khoán	25.298.000	-
Cộng	89.069.533.154	26.258.903.494

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.714.021.857	1.544.285.681
Chi phí vật liệu bao bì	10.728.720	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	219.969.156	143.993.291
Chi phí khấu hao tài sản cố định	610.706.458	735.061.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.176.211.155	5.078.464.327
Chi phí bằng tiền khác	893.283.895	2.764.249.184
Cộng	8.624.921.241	10.266.054.461

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.658.638.467	1.375.434.833
Chi phí vật liệu quản lý	3.345.454	75.025.104
Chi phí đồ dùng văn phòng	394.828.108	72.145.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	186.000.723	136.492.983
Thuế, phí và lệ phí	12.790.700	11.487.500
Chi phí dự phòng	1.770.265.309	1.021.385.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	928.045.245	720.291.294
Chi phí bằng tiền khác	3.883.712.756	1.485.465.747
Cộng	8.837.626.762	4.897.728.900

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	617.713.224	19.000.000.000
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	167.891.816	2.510.000.000
Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá	43.232.262	-
Tiền bồi thường hợp đồng	200.000.000	-
Thu nhập khác	379.700.921	398.093.456
Cộng	1.408.538.223	21.908.093.456

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	492.748.731	8.607.204.120
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế	193.188.400	-
Chi phí chậm nộp thuế	1.488.531	-
Chi phí khác	3.357.837	21.541.000
Cộng	690.783.499	8.628.745.120

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(8.724.283)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(107.198.629)	107.198.629
Cộng	(115.922.912)	107.198.629

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.114.966.290	8.122.488.857
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.114.966.290	8.122.488.857
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.080.000	4.576.211
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	757	1.775

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.080.000	4.400.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 08 tháng 04 năm 2009 (chia có tức bằng cổ phiếu)	-	176.211
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.080.000	4.576.211

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty bao gồm: thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	644.494.619	237.253.548
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	13.537.144	13.792.989
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	425.500.000	404.600.000
Cộng	1.083.531.763	655.646.537

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Gentraco	Công ty mẹ
Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Việt Ánh	Công ty liên kết cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Việt	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Gentraco</i>		
Mua hàng, dịch vụ	184.690.487.281	392.661.302.272
Bán hàng	-	46.569.035.000
Thu nhập khác	1.879.798.364	1.192.425.272
Mua tài sản cố định	-	616.085.209
Bán tài sản cố định	-	19.000.000.000
Nhận cổ tức năm 2009	4.156.000.000	-
Lãi mua hàng chậm trả	28.150.281.298	15.624.518.336
Trả lại tài sản góp vốn năm 2008	15.285.474.364	-
Trả lại xe ô tô đã mua năm 2009	490.731.227	-
<i>Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt</i>		
Mua hàng	17.985.759.979	22.153.963.721
Bán hàng	22.427.000.000	12.878.437.500
Lãi ứng trước tiền hợp đồng	2.430.277.777	-
<i>Công ty Cổ phần Việt Ánh</i>		
Mua hàng hóa	135.786.606.425	71.373.904.773
Bán hàng hóa	49.320.972.911	20.380.166.648
Bán trái phiếu chuyển đổi Ngân hàng SHB	136.400.000.000	-
Mua trái phiếu chuyển đổi Ngân hàng SHB	136.400.000.000	-
Lãi mua hàng trả chậm	2.352.403.546	870.732.168
Lãi bán hàng trả chậm	3.254.146.134	2.048.801.877
Cổ tức được chia	3.192.000.000	2.400.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Lương thực Nam Việt</i>		
Mua hàng hóa	100.982.818.300	-
Bán hàng hóa	49.137.062.857	-
Lãi mua hàng trả chậm	180.566.096	-
Cổ tức được chia	460.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Gentraco</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	216.900.000	-
Ứng trước tiền hàng	86.856.788.982	3.800.000.000
<i>Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt</i>		
Tiền hàng	1.320.000	925.500.000
Trả trước tiền hàng		1.385.005
<i>Công ty Cổ phần Việt Ánh</i>		
Tiền hàng	5.871.267.095	15.027.492.695
Cổ tức	2.352.000.000	2.400.000.000
<i>Công ty Cổ phần Lương thực Nam Việt</i>		
Tiền hàng	660.000	-
Cổ tức	460.000.000	-
Cộng nợ phải thu	95.758.936.077	22.154.377.700
<i>Công ty Cổ phần Gentraco</i>		
Tiền hàng	73.925.980.856	154.642.692.429
<i>Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt</i>		
Ứng trước tiền hàng	86.400.000.000	-
Tiền hàng	2.879.184.277	1.424.035.203
<i>Công ty Cổ phần Việt Ánh</i>		
Tiền hàng	19.863.716.811	9.324.061.458
<i>Công ty Cổ phần Lương thực Nam Việt</i>		
Ứng trước tiền hàng	11.599.670.000	-
Cộng nợ phải trả	194.668.551.944	165.390.789.090

2. Thay đổi chế độ kế toán và thông tin so sánh**Thay đổi chế độ kế toán**

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thông tin so sánh**

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính năm nay và các năm trước của Công ty. Theo quy định tại Thông tư số 244 này, một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại, do đó, số đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày theo quy định mới như sau:

	Mã số	Số liệu ngày 31/12/2009	Số liệu ngày 01/01/2010
Nợ phải trả	300	316.263.396.437	316.340.240.143
I. Nợ ngắn hạn	310	314.221.215.377	314.298.059.083
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	76.843.706
II. Nợ dài hạn	330	2.042.181.060	2.042.181.060
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	88.242.383.748	88.165.540.042
I. Vốn chủ sở hữu	410	88.208.156.354	88.165.540.042
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	42.616.312	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	34.227.394	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	34.227.394	-
Tổng cộng nguồn vốn	440	404.505.780.185	404.505.780.185

Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2011


Lý Anh Thư
 Người lập biểu


Phan Văn Thiện
 Kế toán trưởng


Lê Quang Tâm
 Giám đốc

 10503
 HƯNG
 V.T
 Q.ẤP
 J.V.ẤP
 A.C.ẤP
 T.ẤP

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thới Nốt, Quận Thới Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 1: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	15.040.151.920	6.397.469.115	885.792.227	279.757.937	-	22.603.171.199
Tăng trong năm	7.148.187.574	2.195.183.269	2.486.764.398	-	269.747.101	12.099.882.342
Mua sắm mới	7.104.090.301	2.018.584.364	2.251.568.146	-	247.934.901	11.622.197.712
Đầu tư XD/CB hoàn thành	44.097.273	176.598.905	235.196.252	-	21.792.200	477.684.630
Giảm trong năm	-	(76.295.000)	(490.731.227)	-	-	(567.026.227)
Thanh lý, nhượng bán	-	(76.295.000)	(490.731.227)	-	-	(567.026.227)
Số cuối năm	22.188.339.494	8.516.357.384	2.881.825.398	279.757.937	269.747.101	34.136.027.314
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.926.570.253	1.095.527.848	42.367.896	87.257.647	-	3.151.723.644
Khấu hao trong năm	1.984.880.029	963.690.291	232.609.451	55.951.596	21.196.061	3.258.327.428
Thanh lý, nhượng bán	-	(21.114.947)	(53.162.549)	-	-	(74.277.496)
Số cuối năm	3.911.450.282	2.038.103.192	221.814.798	143.209.243	21.196.061	6.335.773.576
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.113.581.667	5.301.941.267	843.424.331	192.500.290	-	19.451.447.555
Số cuối năm	18.276.889.212	6.478.254.192	2.660.010.600	136.548.694	248.551.040	27.800.253.738

Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2011


 Lý Anh Thu
 Người lập biểu


 Phan Văn Thiện
 Kế toán trưởng


 La Quang Tâm
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư đầu năm trước	44.000.000.000	1.183.000.000	-	-	2.130.815.587	47.313.815.587
Tăng vốn từ lợi nhuận năm trước	1.762.110.000	-	-	-	(1.762.110.000)	-
Phát hành cổ phiếu trong năm	35.037.890.000	(1.183.000.000)	-	-	-	33.854.890.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	8.122.488.857	8.122.488.857
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	106.540.779	(362.238.650)	(255.697.871)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	-	(869.956.531)	-	-	(869.956.531)
Số dư cuối năm trước	80.800.000.000	-	(869.956.531)	106.540.779	8.128.955.794	88.165.540.042
Số dư đầu năm nay	80.800.000.000	-	(869.956.531)	106.540.779	8.128.955.794	88.165.540.042
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	6.114.966.290	6.114.966.290
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(5.640.607.094)	(5.640.607.094)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	-	869.956.531	-	-	869.956.531
Số dư cuối năm nay	80.800.000.000	-	-	106.540.779	8.603.314.990	89.509.855.769

Cần Thơ, ngày 15 tháng 02 năm 2011


Lý Anh Thư
 Người lập biểu


Phan Văn Thiện
 Kế toán trưởng


Lê Quang Tâm
 Giám đốc
